

Số: 105/2024/QĐST-HNGĐ

Trần Yên, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Nguyễn Thành L được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn bao gồm:

+ Diện tích đất 84m² mục đích sử dụng đất ở nông thôn, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 306-b2, Địa chỉ thửa đất tại Thôn D nay là thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh

Yên Bái. Đất được UBND huyện T, tỉnh Yên Bái vào sổ cấp GCN QSDĐ số BY 555890 vào sổ cấp GCN CH00800 ngày 16-3-2015 cho ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị H. Có các phía tiếp giáp phía Bắc, phía Đông, phía Tây giáp thửa đất câu lâu năm cùng chủ sở hữu, phía Nam giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn L1 (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

+ Diện tích đất 224,5m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 306-b2, Địa chỉ thửa đất tại Thôn D nay là Đầm Hồng, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Đất được UBND huyện T, tỉnh Yên Bái vào sổ cấp GCN QSDĐ số BY 555889 vào sổ cấp GCN CH00801 ngày 16-3-2015 cho ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị H. Có các phía tiếp giáp phía Bắc giáp khu đất trồng, phía Đông giáp đường bê tông, phía Nam giáp thửa đất ở nông thôn cùng chủ sở hữu và thửa đất của ông Nguyễn Văn L1, phía Tây giáp thửa đất rừng sản xuất cùng chủ sở hữu. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

+ Diện tích đất 148m² mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, thửa đất số 1220, tờ bản đồ số 01, Địa chỉ thửa đất tại Thôn D nay là Đầm Hồng, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Đất được UBND huyện T, tỉnh Yên Bái vào sổ cấp GCN QSDĐ số BY 555888 vào sổ cấp GCN CH00802 ngày 16-3-2015 cho ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị H. Có các phía tiếp giáp phía Bắc giáp khu đất trồng, phía Đông giáp thửa đất cây lâu năm cùng chủ sở hữu, phía Nam giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn L1, phía Tây giáp thửa đất của bà C. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

+ Diện tích đất 190m² mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 283-đ3, Địa chỉ thửa đất tại Thôn D nay là Đầm Hồng, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Đất được UBND huyện T, tỉnh Yên Bái vào sổ cấp GCN QSDĐ số BY 555887 vào sổ cấp GCN CH00803 ngày 16-3-2015 cho ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị H. Có các phía tiếp giáp phía Bắc thửa đất của ông T, phía Đông giáp thửa đất của ông Đ, ông T1, phía Nam giáp thửa đất của bà H1, phía Tây giáp nhà văn hoá thôn Đ, thửa đất của ông T. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

+ Diện tích đất 985m² mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 232, tờ bản đồ số 282-E4, Địa chỉ thửa đất tại Thôn D nay là thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Đất được UBND huyện T, tỉnh Yên Bái vào sổ cấp GCN QSDĐ số BY 555886 vào sổ cấp GCN CH00804 ngày 16-3-2015 cho ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị H. Có các phía tiếp giáp phía Bắc giáp thửa đất của bà H2, phía Đông giáp nhà văn hoá thôn Đ, thửa đất của ông T, phía Nam giáp thửa đất của ông T2, phía Tây giáp mương nước. (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

Và toàn bộ tài sản gắn liền với đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất trên (theo kết quả thẩm định tại chỗ và biên bản kiểm kê tài sản ngày 17-7-2024).

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Thành L được sở hữu, sử dụng theo kết quả định giá tài sản ngày 12-8-2024, là 886.559.277 đồng (*T3 trăm tám sáu triệu, năm trăm năm chín nghìn hai trăm bảy bảy đồng*). Anh Nguyễn Thành L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị H 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) tiền giá trị chênh lệch tài sản đã được định giá. Thời hạn thanh toán đến hết ngày 31/12/2024. Giá trị tài sản còn lại anh L được hưởng là 436.559.277 đồng (*Bốn trăm ba mươi sáu triệu năm trăm năm chín nghìn hai trăm bảy bảy đồng*).

Đối với phần diện tích đất có sự chênh lệch so với giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp theo kết quả thẩm định tài sản ngày 17-7-2024 của Hội đồng thẩm định tài sản theo tổ tụng. Để được sử dụng đất ổn định, đúng quy định của pháp luật, anh Nguyễn Thành L có trách nhiệm liên hệ với cấp có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế sử dụng đất.

- Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm hợp tác cùng anh Nguyễn Thành L làm thủ tục để sang tên quyền sử dụng tài sản đối với toàn bộ tài sản cho anh Nguyễn Thành L.

- Các đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L1 có trách nhiệm cùng đề nghị cấp có thẩm quyền để được điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

- Các đương sự thống nhất thoả thuận không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) chênh lệch tài sản mà anh Nguyễn Thành L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị H.

Về chi phí thẩm định, định giá 14.356.900 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng*). Anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 7.178.450 đồng (*Bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng*). Anh Nguyễn Thành L đã nộp đủ. Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thành L số tiền 7.178.450 đồng (*Bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng*).

- Về án phí: Anh Nguyễn Thành L phải chịu 10.731.200 đồng (làm tròn số) (*Mười triệu bảy trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 3.170.000 đồng (*Ba triệu một trăm bảy mươi đồng*) tiền

tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2024/0000454 ngày 30-5-2024. Anh Nguyễn Thành L còn phải nộp 7.561.200 đồng (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng*). Anh Nguyễn Thành L chưa nộp.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H chưa nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- THADS huyện Trấn Yên;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- UBND xã Cường Thịnh, h. Trấn Yên;
- LHSVA, KT, tập QĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Phương